

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----☆☆☆-----

Bản án số: 71/2020/HSPT
Ngày: 25/02/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Mai Anh Tài.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, cán bộ
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự Thụ lý số 1012/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lý Hải T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HSST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Lý Hải T, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1978 tại xã L, huyện A, tỉnh B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 06, phường X, thành phố B, tỉnh B; Chỗ ở: Tổ 17, phường G, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Phó Trưởng ban tổ chức Thành ủy Cao Bằng; đoàn thể: Đảng viên, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo quyết định số 1529/QĐ-TU ngày 27/11/2018 của Thành ủy Cao Bằng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Hải N (đã chết) và bà Trương Thị T (đã chết); có vợ Triệu Thị Tuyết M (đã ly hôn năm 2018) sinh năm 1980 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2019, hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Vương Bá Hùng - Văn phòng Luật sư Vương Bá Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Thị T, sinh năm 1968, nơi cư trú: Tổ 13, phường X, thành phố B, tỉnh B; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 28 người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Hải T sinh năm 1978, trú tại: Tổ 06, phường X, thành phố B, tỉnh B nguyên là Phó ban Tổ chức Thành ủy Thành phố B; lợi dụng vị trí đang công tác, T tự giới thiệu bản thân có khả năng xin được việc làm và chuyển vùng công tác cho người có nhu cầu. Để tạo lòng tin cho người khác, T đã hứa hẹn nếu không xin được việc và được chuyển vùng công tác sẽ trả lại tiền nên nhiều người đã tin tưởng và đưa tiền cho T, sau đó T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng năm 2012 qua quen biết, T nhận tiền hứa hẹn xin việc làm cho Hoàng Thị Tiệp, sinh năm 1987, trú tại: Cốc Lùng, Đức Long, Hòa An, Cao Bằng xin vào làm tại Thành ủy thành phố B với số tiền 120 triệu đồng. Đợi mãi không xin được việc làm Tiệp đã đòi T lại số tiền 80 triệu đồng sau đó T đã hoàn trả đủ số tiền cho Tiệp. Đến đầu năm 2016, Lý Hải T lại tiếp tục gọi điện thoại cho Tiệp và hứa hẹn sẽ xin được việc cho Tiệp với số tiền 150 triệu đồng. Lần này Tiệp cùng Hoàng Thị Nhung (ở xóm 1, Hồng Quang, Hưng Đạo, Tp Cao Bằng) đến phòng làm việc của T và đưa số tiền 100 Triệu đồng để xin việc, T chủ động viết giấy vay mượn tiền với Tiệp. Đầu tháng 6-2017, T tiếp tục liên lạc với Tiệp và yêu cầu lấy thêm 50 triệu đồng để hoàn thành nốt hồ sơ xin việc cho Tiệp. Ngày 06-6-2017 Tiệp đã giao tiền cho T tại một quán nước thuộc huyện A, Cao Bằng. Lần này T đã chủ động viết giấy vay mượn tiền với Tiệp do T đã đánh máy từ trước tổng cộng là 150 triệu đồng. Chờ lâu không được đi làm, Tiệp đã đòi T trả lại tiền nhưng T cứ trốn tránh việc trả tiền nên Tiệp đã viết đơn trình báo đến cơ quan chức năng, sau đó T đã trả lại số tiền 150 triệu đồng đã chiếm đoạt.

Lần 2: Năm 2015, T nói với bà Hoàng Thị L, trú tại: Đoong Lèng, thị trấn L, Phục Hòa, Cao Bằng là T đang làm việc tại Ban tổ chức Thành ủy Thành phố B và có thể xin được việc vào cơ quan nhà nước cho ai có nhu cầu nhưng để xin được phải mất số tiền 100 triệu đồng/suất đại học, 50 triệu đồng/suất trung cấp. Lúc này bà L có 03 người cháu (02 cháu học đại học, 01 cháu học trung cấp) đang có nhu cầu muốn xin việc nên sau khi được T giới thiệu bà L về trao đổi với gia đình các cháu thì được gia đình các cháu đồng ý để xin việc. Ngày 17-7-

2015 bà L ra thành phố B gặp T và đưa cho T 230 triệu đồng để T đi xin việc cho 03 cháu, T đã viết giấy nhận tiền và hứa hẹn đến cuối năm 2015 sẽ xin được. Đến thời gian hẹn nhưng các cháu không được đi làm bà L đòi lại tiền thì T trả lại 180 triệu đồng, còn lại 50 triệu đồng. Năm 2017, T tiếp tục gọi cho bà L và nói đã có chỉ tiêu cho các cháu và phải đưa thêm tiền thì mới xin được. Ngày 20-5 và 07-7-2017 bà L đưa cho T 200 triệu đồng, T lại hứa hẹn đến cuối năm 2017 thì các cháu sẽ được đi làm. Tuy nhiên T vẫn không xin được cho các cháu, bà L có đòi lại tiền thì T trả lại được 40 triệu đồng. Hiện nay còn chiếm đoạt của bà L 210 triệu đồng.

Lần 3: Trong năm 2015, qua quen biết Lý Hải T đã nhận tiền với chị Vũ Thị H, sinh năm: 1982; trú tại: Tổ 05, Sông Hiến, TP Cao Bằng, Cao Bằng để chuyển công tác cho Hoa từ trường THCS Thị Hoa, Hạ Lang, Cao Bằng ra TP Cao Bằng với số tiền 100 triệu đồng. Ngày 12-10-2015 anh Nông Lương Đồng (chồng chị Hoa) đưa tiền cho T và T hứa hẹn 06 tháng sẽ xin được cho Hoa. Đến hẹn không thấy được chuyển vùng công tác, vợ chồng anh Đồng chị Hoa đã gọi điện tìm T đòi tiền nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 9-2018 chị Hoa đã làm đơn tố giác lên Công an thành phố B để làm rõ sự việc. Từ ngày 07-11-2018 đến nay T đã trả chị Hoa được 45 triệu đồng, còn nợ 55 triệu đồng chưa trả.

Lần 4: Ngày 08-7-2016, T hứa hẹn xin việc cho con gái của ông Hoàng Văn An, sinh năm: 1964; trú tại: Giẻ Dả, Quang Thành, Nguyên Bình, Cao Bằng và nhận với ông An 200 triệu đồng, hứa hẹn từ 02 đến 03 tháng sẽ xin được việc nếu không sẽ trả lại số tiền trên. Đến hẹn không thấy T xin được việc cho con, ông An đã đến UBND Thành phố B và tố cáo sự việc với Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B và yêu cầu điều tra theo đúng quy định pháp luật. Đến nay T đã trả cho ông An được 70 triệu đồng, hiện tại T còn chiếm đoạt của ông An là 130 triệu đồng.

Lần 5: Năm 2016 qua quen biết với Nông Thị Dung, SN: 1979; trú tại: Tổ 5, P Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng (hàng xóm của T). T đã nhận và hứa chuyển công tác giúp cho em chồng của Dung là Tô Minh Huệ với số tiền 150 triệu đồng. Ngày 19-11-2016 T nhận đưa số tiền trên và một bộ hồ sơ của Tô Minh Huệ với Dung và hứa hẹn từ 03 đến 06 tháng sẽ chuyển công tác được cho Huệ. Sau khi giao tiền cho T và chờ đợi theo như lời hứa hẹn của T nhưng không thấy xin được việc cho Huệ, Dung đã đòi tiền T nhiều lần nhưng T mãi không trả. Ngày 14-12-2018 Nông Thị Dung đã tố cáo Lý Hải T tại Cơ quan CSĐT Công an TP Cao Bằng. Đến ngày 17-01-2018 T đã chủ động trả hết số tiền 150 triệu đồng cho Nông Thị Dung.

Lần 6: Cuối năm 2016, Lý Hải T gặp Hoàng Thị Bích Thủy trú tại Xuân Đại, thị trấn H, Hà Quảng, Cao Bằng (bạn của T), qua nói chuyện T nói là có khả năng xin được việc vào cơ quan nhà nước, ai có nhu cầu thì giới thiệu cho

T. Đến đầu năm 2017, chị Thủy đã giới thiệu:

+ Bà Lục Thị Liáng, SN 1964, trú tại: Xuân Đại, Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng để xin việc cho con gái là Lục Hoàng Thu Hường nên bà Liáng đã gặp T và đưa số tiền 160 triệu đồng, T hứa hẹn đến tháng 5-2017 cháu Hường sẽ được đi làm, đến nay vẫn chưa xin được việc và T cũng chưa trả lại tiền.

+ Cũng trong thời gian này, T nhận với bà Hoàng Thị Thanh, SN 1962, trú tại: Xuân Đại, Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng số tiền 160 triệu đồng để xin việc cho con gái là Nông Thị Thu Hoài và hứa hẹn đến tháng 6-2017 cháu Hoài sẽ được đi làm.

+ Sau đó nhận với ông Nông Thanh Đình, SN 1975, trú tại: Cốc Găng, Chu Trinh, TP Cao Bằng, Cao Bằng số tiền 150 triệu đồng để xin việc cho con gái T cũng hứa hẹn đến năm 2018 con anh Đình sẽ được đi làm việc.

Sau khi nhận tiền của 03 bị hại trên, Lý Hải T đưa cho Hoàng Thị Bích Thủy số tiền 30 triệu đồng (theo T là tiền công Thủy giới thiệu). Khi thấy T không xin được việc cho các bị hại trên, Thủy đã trả lại cho 03 gia đình trên mỗi gia đình 10 triệu đồng. Hiện nay tổng số tiền mà T còn chiếm đoạt của 3 trường hợp trên là 440 triệu đồng.

Lần 7: Tháng 9-2017, Lý Hải T quen biết ông Nguyễn Thành Huân, SN: 1964; trú tại: Phố Cũ, TT Quảng Uyên, Quảng Uyên, Cao Bằng, T hỏi vay ông Huân số tiền 100 triệu đồng. Khi giao tiền T nói có khả năng xin việc vào cơ quan nhà nước, ai có nhu cầu thì giới thiệu cho T. Ông Huân có con gái là Nguyễn Thị Trâm Anh đã học xong và có nhu cầu xin việc nên đã trao đổi với T. Ngày 06-11-2018 T đến nhà ông Huân thông báo là đã xin được việc cho cháu Trâm Anh nhưng phải đưa thêm 150 triệu đồng nữa, số tiền 100 triệu đồng vay trước kia sẽ được cộng thêm vào số tiền này, tổng số tiền để đi xin việc là 250 triệu đồng. T hứa hẹn sau tết Nguyên Đán năm 2019 thì Trâm Anh sẽ được đi làm việc. Đến thời gian hẹn ông Huân đến tìm T để hỏi việc thì biết T đã bị bắt nên đã có đơn tố giác T với cơ quan chức năng đồng thời yêu cầu T trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là 250 triệu đồng.

Lần 8: Tháng 6-2017, qua sự giới thiệu của chị Nông Thị Nhung (trú tại: tổ 2, TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng) vợ chồng anh Hoàng Tiến Thanh và chị Lý Thị Thái (trú tại: Tổ 2, TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng) đã liên lạc và đến nhờ T xin việc giúp cho chị Thái. T nói nếu đi làm ở UBND xã thì phải mất số tiền là 120 triệu đồng, làm ở UBND huyện thì mất 150 triệu đồng. Anh Thanh đồng ý xin cho vợ đi làm tại UBND huyện B. Khoảng 10 ngày sau T đã chủ động đến nhà anh Thanh lấy 60 triệu đồng và viết 01 giấy vay tiền. Ngày 02-11-2018 T đến nhà anh Thanh nhận thêm số tiền 90 triệu đồng và viết 01 giấy biên nhận số tiền 150 triệu đồng với vợ chồng anh Thanh. Đến

khoảng tháng 01-2019 anh Thanh nghe người khác nói T không có khả năng xin được việc nên tìm T để đòi lại số tiền đã đưa. Ngày 24-01-2019 T đến nhà anh Thanh nói là bây giờ chưa đủ khả năng trả lại tiền và T đã viết 01 tờ giấy cam kết sẽ trả lại tiền. Tuy nhiên đến nay T chưa trả lại số tiền 150 triệu đồng cho anh Thanh.

Lần 9: Năm 2017, qua chị Nông Thị Nhung, trú tại: tổ 2, TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng giới thiệu là T có khả năng xin việc, bà Lưu Thị Nấm (SN 1955, trú tại: Nà Khoang, Minh Thanh, Nguyên Bình, Cao Bằng), đã chủ động liên lạc với T để xin việc cho con dâu. Ngày 02-8-2017 bà Nấm ra thành phố B gặp T và đưa số tiền 20 triệu đồng đặt cọc cùng 01 bộ hồ sơ xin việc. T viết cho bà Nấm 01 giấy biên nhận tiền và nói nếu xin được việc thì phải mất 100 triệu đồng và hứa hẹn đến tháng 4-2018 con bà Nấm sẽ được đi làm việc. Đến thời gian hẹn, vẫn không thấy con dâu được đi làm, bà Nấm có gọi điện thoại đòi lại số tiền đã đặt cọc trên thì T đã trả cho bà Nấm được 02 triệu đồng. Hiện nay T còn chiếm đoạt của bà Nấm số tiền 18 triệu đồng.

Lần 10: Cũng trong năm 2017 qua giới thiệu của chị Nông Thị Nhung (trú tại: Tổ 2, TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng), bà Cao Thị Ngân, SN 1960, trú tại: Tổ 09, TT Tĩnh Túc, Nguyên Bình, Cao Bằng đã chủ động liên lạc với T để trao đổi, xin việc cho con gái là Hoàng Thị Phương Nga thì T nói phải mất 200 triệu đồng. Vài ngày sau, hai mẹ con bà Ngân ra Quảng trường km4 thành phố B gặp T và đưa số tiền như đã thỏa thuận. T có viết 01 giấy vay tiền và hứa hẹn đến tháng 01-2018 Nga sẽ được đi làm việc. Đến thời gian hẹn vẫn chưa thấy con có quyết định đi làm, bà Ngân chủ động gọi điện thoại hỏi T thì T lại tiếp tục hứa hẹn là sẽ xin được việc cho cháu Nga. Tháng 12-2018 T đến nhà gặp bà Ngân hứa hẹn sau tết Nguyên đán 2019 cháu Nga sẽ được đi làm việc. Ngày 10-3-2019 T lại đến nhà bà Ngân viết 01 giấy cam kết sẽ trả nợ số tiền trên trong thời hạn 03 - 06 tháng. Đến hạn thấy con gái vẫn chưa được đi làm, bà Ngân đã viết đơn tố cáo T với Cơ quan chức năng và đề nghị xử lý T theo quy định pháp luật, đồng thời yêu cầu T trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Lần 11: Năm 2017, Lý Hải T quen biết với bà Lê Thị Loan, SN 1962, trú tại: Tổ 01, TT Nước Hai, Hòa An, Cao Bằng, T tự giới thiệu là có thể xin việc vào cơ quan nhà nước. Do tin tưởng T nên vào tháng 6-2018, bà Loan đã đưa cho T số tiền 120 triệu đồng tại Quảng trường Km5, Đền Thám, TP Cao Bằng để nhờ T giúp xin việc cho con gái là Vi Thị Khuyên. T viết cho bà Loan 01 giấy vay mượn tiền và hứa hẹn đến đầu năm 2019 cháu Khuyên sẽ được đi làm việc. Đến thời gian hẹn thấy con gái vẫn không có quyết định đi làm. Bà Loan có gọi điện thoại cho T để đòi lại số tiền trên nhưng T không trả được do đã dùng vào việc cá nhân. Hiện nay T còn chiếm đoạt của gia đình bà Loan là 120 triệu đồng. Bà Loan đã tố cáo hành vi của T với Cơ quan chức năng và đề nghị xử lý theo

quy định pháp luật.

Lần 12: Năm 2017, trong khi đi học lớp đối tượng quốc phòng tại trường Quân chính Km4 TP Cao Bằng, T có quen biết ông Điều Văn Hoan, SN1972, trú tại: Phiêng Châu, Đình Phùng, Bảo Lạc, Cao Bằng. Qua nói chuyện anh Hoan biết T đang làm phó ban tổ chức Thành ủy, TP Cao Bằng có khả năng xin được việc làm vào cơ quan nhà nước. Ông Hoan về trao đổi với vợ là Bế Thị Hoa, xin việc cho con trai là Nguyễn Thành Long và cháu là Nông Thị Hiền đã học ra trường nhưng chưa có việc làm. Trong tháng 11, 12-2017 hai vợ chồng ông Hoan đưa cho T số tiền 100 triệu đồng (50 triệu/01 người), 02 bộ hồ sơ để xin việc. T có viết giấy vay mượn với ông Hoan bà Hoa và hứa hẹn từ 03 đến 06 tháng các cháu sẽ được đi làm việc. Đến hẹn không thấy con trai và cháu được đi làm, đầu năm 2019 ông Hoan có gọi điện thoại nhiều lần nhưng không được, sau đó biết T đã bị cơ quan điều tra bắt về hành vi lừa đảo nên đã làm đơn tố cáo T đồng thời yêu cầu Thường trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 100 triệu đồng.

Lần 13: Trong năm 2017 qua người quen là chị Nông Thị Nhung (trú tại: tổ 2, TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng) Lý Hải T nhận giúp anh Hà Hữu Mưu; SN: 1992; trú tại: Tổ 18, Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng đỗ đợt thi công chức năm 2017 và nói chắc chắn đỗ ở huyện A hoặc huyện Thạch An nhưng phải mất số tiền số tiền 150 triệu đồng. Anh Mưu đồng ý làm việc tại Hòa An. Khoảng tháng 7-2017 anh Mưu và vợ là chị Trương Thị Thư đến nhà T đưa trước số tiền 50 triệu đồng, T viết 01 giấy biên nhận tiền đưa cho vợ chồng Mưu với nội dung là vay để làm kinh tế. Sau khi thi không đỗ thì anh Mưu có tìm T đòi lại số tiền trên thì T có trả lại số tiền 15 triệu đồng. Hiện nay T còn chiếm đoạt số tiền 35 triệu đồng của anh Mưu.

Lần 14: Năm 2017, qua giới thiệu của ông Đặng Văn Cát, SN: 1981; trú tại: Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng, Lý Hải T quen biết ông Đặng Văn Chi, SN: 1971 trú tại: Nà Ngần, Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng và nói mình có khả năng xin được việc làm cho con của ông Chi là Đặng Thị Phin. Ngày 16-12-2017, T đã chủ động đến nhà ông Chi nói chuyện về việc xin cho con gái của ông Chi đi làm nhưng phải mất số tiền là 120 triệu đồng. ông Chi đồng ý và đưa trước 50 triệu đồng cho T, số tiền còn lại sẽ đưa nốt khi Phin được đi làm. Đợi mãi không thấy con gái được gọi đi làm, tháng 4-2018 ông Chi biết mình bị lừa nên đã gọi và tìm T nhiều lần để đòi lại số tiền nhưng T không trả nên ông Chi đã làm đơn tố cáo. Sau khi bị tố giác tại nơi làm việc và Công an TP Cao Bằng gọi hỏi làm việc, đến nay T đã trả cho ông Chi được 15 triệu đồng, hiện tại T còn chiếm đoạt của ông Chi 35 triệu đồng.

Lần 15: Ngoài ra trong năm 2017, thông qua Đặng Văn Cát, Lý Hải T quen ông Bàn Văn Bằng, SN: 1968; trú tại: Khuổi Hoa, Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng và nhận với ông Bằng tổng số tiền 120 triệu đồng để xin việc

cho con trai của ông Bằng là Bàn Văn Chung, khi nhận tiền T hứa hẹn sẽ xin được việc cho Chung. Tuy nhiên đợi mãi không thấy được đi làm, Ông Bằng và Chung đã đòi lại tiền T nhiều lần và T đã trả lại cho ông Bằng 40 triệu đồng. Đến nay T không xin được việc cho Chung và còn chiếm đoạt số tiền 80 triệu đồng.

Lần 16: Năm 2017, Lý Hải T quen biết với Hoàng Vĩnh Nam, SN: 1987; trú tại: Nà Lại, Hà Trì, Hòa An, Cao Bằng, T tự giới thiệu có khả năng xin được việc vào cơ quan nhà nước. Do tin tưởng T hiện nay đang làm việc tại Ban tổ chức thành ủy thành phố B nên anh Nam đã trao đổi với T để xin việc cho vợ là chị Lương Thị Liễu. Ngày 11-11-2017, vợ chồng Nam đến nhà T đưa số tiền 60 triệu đồng, T viết 01 giấy vay mượn tiền với vợ chồng Nam và hứa là đầu tháng 01-2018 chị Liễu sẽ được đi làm, nếu không xin được thì T sẽ trả lại toàn bộ số tiền. Đến thời gian hẹn T không xin được việc cho chị Liễu và cũng không trả lại tiền.

Lần 17: Năm 2017, T nhận số tiền 70 triệu đồng của bà Lê Thị Kết, SN: 1956; trú tại: Bằng Hà, Đức Long, Hòa An, Cao Bằng thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng (do bà Lê Hồng Nga chuyển giúp ngày 10 và 12-10-2017) để xin chuyển vùng công tác cho con dâu là Nguyễn Thị Viêt. T hứa hẹn đến tháng 12-2017 sẽ được chuyển công tác từ huyện Bảo Lâm ra huyện A nếu không được sẽ trả lại tiền cho bà Kết. Đến thời gian như đã hẹn không thấy con dâu được chuyển công tác, bà Kết có liên lạc nhiều lần để đòi lại tiền với T và T đã trả lại tiền cho bà Kết, chị Viêt được 38 triệu đồng. Hiện nay T còn chiếm đoạt số tiền 32 triệu đồng.

Lần 18: Khoảng tháng 7-2017, thông qua Hoàng Thị Bích Thủy giới thiệu Lý Hải T quen biết ông Nông Văn Khâu, SN 1964, trú tại: Cột Phố, Tổng Cột, Hà Quảng, Cao Bằng và tự giới thiệu có khả năng xin được việc làm nhưng phải mất số tiền 200 triệu đồng. Do có nhu cầu xin việc cho con trai nên ông Khâu đồng ý. Ngày 06-8-2017 ông Khâu đưa số tiền 200 triệu đồng cho T để xin việc cho con, T hứa 06 tháng sau con ông Khâu sẽ được đi làm nhưng đến nay con ông Khâu vẫn chưa được đi làm và T cũng không trả lại tiền.

Lần 19: Thông qua giới thiệu của ông Khâu, bà Hoàng Thị Xín (chị gái của Nông Văn Khâu), SN 1961, trú tại: Cột Phố, Tổng Cột, Hà Quảng, Cao Bằng. quen biết Lý Hải T và nhờ T xin việc cho con gái. Ngày 11-8-2017 tại nhà ông Khâu, bà Xín đưa cho T 150 triệu đồng để xin việc cho con là Hoàng Thị Lưu, T hứa hẹn đến giữa năm 2018 Lưu sẽ được đi làm. Đến nay con gái bà Xín vẫn chưa được đi làm và T cũng chưa trả lại số tiền 150 triệu đồng đã chiếm đoạt.

Lần 20: Năm 2017, thông qua vợ chồng Bé Thị Hoa và Điều Văn Hoan (ở

Đình Phùng, Bảo Lạc, Cao Bằng) ông Bế Quang Tiến, SN 1972, trú tại: Tổ 3, thị trấn Tĩnh Túc, Nguyên Bình, Cao Bằng quen biết Lý Hải T, nhờ T xin việc cho con gái là Bế Thùy Trang. Ngày 25-11-2017 ông Tiến đưa cho T số tiền 50 triệu đồng, T hứa khoảng 06 tháng sau Trang sẽ được đi làm. Đến nay con ông Tiến vẫn chưa được đi làm và T cũng chưa trả lại số tiền 50 triệu đồng đã chiếm đoạt.

Lần 21: Tháng 7-2017, bà Lô Thị Quyền, SN: 1971, trú tại: Làng Đền, Hoàng Tung, Hòa An, Cao Bằng qua giới thiệu biết Lý Hải T có khả năng xin được việc. Bà Quyền đã chủ động liên hệ với T trao đổi để xin việc cho con gái là Đỗ Thị Bảo Yến đã học xong đại học sư phạm nhưng chưa xin được việc, T đã đồng ý nhưng phải mất với số tiền 100 triệu đồng. Ngày 19-7-2017 bà Quyền đã chuyển 50 triệu đồng vào tài khoản Lý Hải T để đặt cọc. Khi nhận được tiền T đã viết giấy biên nhận tiền với bà Quyền và hứa hẹn sẽ xin được việc làm cho cháu Yến. Tuy nhiên đến nay con gái bà Quyền vẫn chưa được đi làm và hiện nay Lý Hải T còn chiếm đoạt của bà Quyền là 50 triệu đồng.

Lần 22: Năm 2018, Bàn Văn Cường SN: 1990; Trú tại: Khuổi Pát, Thịnh Vượng, Nguyên Bình, Cao Bằng được Bàn Văn Chung, trú tại: Khuổi Hoa, Hoa Thám, Cao Bằng (con trai bị hại Bàn Văn Bằng) giới thiệu Lý Hải T có khả năng xin được việc cho Bàn Thị Xuân (em gái Cường). Khi Cường liên lạc với T, T hứa hẹn sẽ xin được việc cho em gái của Cường. T đã nhận của Cường 120 triệu đồng và hứa hẹn đến tháng 5-2018 sẽ xin được việc cho Xuân, nếu không xin được sẽ trả lại số tiền trên. Tuy nhiên đến hẹn vẫn chưa thấy T xin được việc cho em gái như đã hứa, Cường đã điện thoại và liên lạc với T để yêu cầu trả lại số tiền nhưng T không trả. Vì vậy đến ngày 12-12-2018 Cường đã làm đơn tố cáo đến Công an thành phố B yêu cầu điều tra làm rõ sự việc. Sau khi biết sự việc bị tố cáo T đã trả cho Cường được 10 triệu đồng. Đến nay T còn chiếm đoạt của Cường là 110 triệu đồng.

Lần 23: Năm 2018, qua ông Đặng Văn Cát, SN: 1981; trú tại: Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng giới thiệu cho T biết ông Triệu Văn Cao, SN 1968, trú tại: Khuổi Hoa, Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng có ý định xin việc cho con trai. Ngày 27-01-2018 T chủ động đến nhà ông Triệu Văn Cao nói chuyện để xin việc cho con trai anh Cao là Triệu Văn Thái đi làm nhưng phải mất số tiền là 80 triệu đồng. Theo như thỏa thuận ông Cao đã đưa trước 60 triệu đồng và T hứa hẹn khoảng tháng 6-2018 sẽ được đi làm. Đến hạn không thấy T thông báo được đi làm, ông Cao đã điện thoại gọi và tìm T nhiều lần đòi lại tiền thì T đã trả cho ông Cao 10 triệu đồng. Hiện tại T còn chiếm đoạt của ông Cao 50 triệu đồng.

Lần 24: khoảng tháng 6-2018, T nhận với ông Triệu Văn Ram, SN 1966; trú tại: Lũng Muôn, Lãng Hiếu, Trùng Khánh, Cao Bằng số tiền 300 triệu đồng

để thi tuyển công chức và xin việc cho 02 con trai của ông Ram là Triệu Quang Hải và Triệu Văn Thế. Cụ thể: Tháng 6-2018 ông Ram đã đưa 150 triệu cho T để xin cho Triệu Quang Hải thi công chức để được đi làm. T hứa hẹn tháng 9-2018 sẽ được đi làm, khoảng 20 ngày sau T lại tiếp tục gợi ý để xin việc cho con trai thứ hai là Triệu Văn Thế. Ngày 03-7-2018, ông Ram đã đồng ý và đưa 150 triệu đồng cho T tại TP Cao Bằng. Đến hẹn không thấy hai con được đi thi tuyển công chức và xin được việc, ông Ram đã gọi hỏi nhiều lần. Ngày 12-12-2018 T đến gặp ông Ram đưa cho ông Ram 01 tờ cam kết sẽ trả hết số tiền 300 triệu, cùng ngày ông Ram đã đến Công an TP Cao Bằng để tố cáo sự việc. Đến nay, chị gái của Lý Hải T là Lý Thị Thỏa đã tự nguyện trả giúp cho T 3 triệu đồng cho ông Ram. Hiện nay T còn chiếm đoạt tiền ông Ram là: 297 triệu đồng.

Lần 25: Tháng 4-2018 tại chỗ ở của Lý Hải T (Tổ 06, Ngọc Xuân, TP Cao Bằng) Bà Đinh Thị Nha, SN 1966, trú tại: Pác Khoang, Đức Xuân, Thạch An, Cao Bằng đưa cho T 60 triệu đồng để nhờ T xin việc giúp con trai là Nông Tiến Lực. T đồng ý và có viết 01 giấy vay tiền rồi hứa hẹn đến khoảng đầu năm 2019 cháu Lực sẽ được đi làm việc. Tuy nhiên T không xin việc mà sử dụng cho mục đích cá nhân. Đến thời gian hẹn bà Nha không thấy con trai được đi làm nên đòi T trả lại tiền nhiều lần nhưng T không trả. Hiện nay T còn chiếm đoạt của bà Nha 60 triệu đồng.

Lần 26: Khoảng tháng 6-2018 Lý Hải T gọi điện thoại cho chị Lương Thị Hiếu, SN:1988, trú tại: Tổ 04, Sông Hiến, TP Cao Bằng đang làm việc tại UBND phường H để trao đổi vấn đề chuyển công tác của chị Hiếu. Đến tháng 7-2018, hai vợ chồng Hiếu có liên lạc với T để trao đổi về vấn đề trên, T nói phải mất số tiền 150 triệu đồng. Ngày 13-8-2018 T nhận với vợ chồng Hiếu số tiền 150 triệu đồng tại Quảng Trường, Km5 Đề thám, Cao Bằng. T đưa cho vợ chồng Hiếu 01 giấy biên nhận tiền và hứa hẹn đến tháng 02-2019 thì Hiếu sẽ được chuyển công tác. Đến tháng 3-2019 Hiếu vẫn chưa được chuyển công tác và liên lạc với T thì biết T đã bị bắt nên đã làm đơn tố giác. Hiện nay T vẫn chưa trả cho chị Hiếu số tiền 150 triệu đồng đã chiếm đoạt.

Ngày 25-9-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã ra bản Cáo trạng số: 43/CT-VKSCB-P2 truy tố Lý Hải T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HSST ngày 04/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Hải T: 20 (hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 15-3-2019. Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 92.440.000đ và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2019, bị cáo Lý Hải T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và ngày 03/12/2019 bị cáo Lý Hải T có đơn xin miễn giảm tiền án phí phần dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm Bị cáo Lý Hải T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày: Trước khi phạm tội trong quá trình công tác bị cáo luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được tặng bằng khen, giấy khen; khi phạm tội thành khẩn khai báo; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bố mẹ bị cáo đều đã chết, vợ chồng bị cáo thì đã ly hôn, các con của bị cáo còn nhỏ nên muốn được sớm ra tù để nuôi con và đi làm kiếm tiền khắc phục hậu quả cho các bị hại. Khi ra tù bị cáo không có việc làm và thu nhập vì vậy bị cáo xin miễn giảm tiền án phí dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà nội sau kết luận:

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là hợp lệ, trong thời hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm; đơn xin miễn giảm một phần án phí dân sự của bị cáo nộp quá hạn luật định không đủ điều kiện để xem xét phúc thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, những người bị hại, người làm chứng, quá trình thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm có cơ sở khẳng định: Do có thời gian làm việc tại Thành ủy Cao Bằng, bị cáo Lý Hải T đã lợi dụng chức vụ và sự quen biết để nói dối với các bị hại là có khả năng xin việc làm và xin chuyển vùng công tác để lừa nhiều người chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại với tổng số tiền 3.650.000.000đ; sau khi các bị hại viết đơn tố cáo, bị cáo đã trả cho các bị hại được 618.000.000đ nay còn chiếm đoạt của các bị hại 3.022.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Lý Hải T 20 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có thiết sót. Bị cáo có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền lớn của nhiều người bị hại, bị cáo là người có trình độ, đảng viên có chức vụ của cơ quan nhà nước, nhận thức pháp luật đầy đủ; bản thân bị cáo biết không có khả năng xin việc, xin chuyển vùng công tác nhưng chỉ vì hám lợi, bị cáo đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất trật tự trị an; ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của cơ quan Nhà nước. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Đối với kháng cáo đề nghị miễn giảm một phần án phí dân sự được gửi quá thời hạn kháng cáo

và tại cấp phúc thẩm bị cáo cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để được miễn giảm một phần án phí dân sự, nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Vương Bá Hùng bào chữa cho bị cáo Lý Hải T tranh luận: Luật sư đồng tình tội danh, điều luật áp dụng của Tòa án cấp sơ thẩm, tuy nhiên mức án 20 năm tù đối với bị cáo T là quá nghiêm khắc. Thực tế, bị cáo đang có hướng khắc phục nhưng vì bị bắt quá nhanh nên bị cáo chưa thể khắc phục hết thiệt hại cho các bị hại. Khi có 3 đơn tố cáo, bị cáo đã bắt đầu khắc phục cho các bị hại; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không nói cho các bị hại bị cáo là Phó trưởng ban tổ chức Thành ủy Cao Bằng mà nói là giúp các bị hại và nếu không giúp được thì bị cáo sẽ trả lại tiền, nên bị cáo không dùng chức vụ để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là chưa rõ nét, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mẹ đã mất, bị cáo đã ly hôn vợ, các con còn nhỏ; sau khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại; bản thân bị cáo có nhiều bằng khen, giấy khen trong công tác; bố của bị cáo là người có công với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về xã hội lao động trả tiền cho những người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lý Hải T đảm bảo về hình thức và trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét.

Ngày 03/12/2019 bị cáo Lý Hải T có đơn xin miễn giảm tiền án phí dân sự; đơn có xác nhận của Giám thị trại tạm giam. Xét bị cáo làm đơn này quá thời hạn luật định nên không được chấp nhận để xem xét.

Bà Lý Thị T đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhưng bà Thỏa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đơn trình bày không yêu cầu bị cáo T phải trả bà số tiền mà bà nộp khắc phục thay cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bà Lý Thị T.

[2] Về nội dung xét kháng cáo của bị cáo Lý Hải T:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lý Hải T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Theo đó trong thời gian công tác tại Thành

ủy thành phố B, do mối quan hệ quen biết nhiều người nên Lý Hải T đã lợi dụng chức vụ và vị trí nơi mình làm việc; lợi dụng vào nhu cầu xin việc làm của nhiều người trong địa bàn tỉnh B; dù biết mình không có khả năng xin việc, chuyển vùng công tác và nhận thức được việc làm đó là vi phạm quy định của Đảng, vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời, mong muốn có tiền sử dụng vào việc tiêu sài bị cáo Lý Hải T dùng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin không đúng sự thật, nói dối mọi người là bản thân có khả năng xin được việc làm, xin chuyển vùng công tác cho những ai có nhu cầu. Bằng thủ đoạn gian dối đó làm cho các bị hại tin tưởng nên đã giao tài sản (tiền) cho bị cáo, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của các bị hại sử dụng vào mục đích cá nhân.

Cụ thể : Từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2018 bằng thủ đoạn gian dối, Lý Hải T đã chiếm đoạt tài sản của 28 bị hại với tổng số tiền là 3.650.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) để sử dụng cho mục đích cá nhân, gồm:

- Hoàng Thị T, sinh năm 1987, trú tại: Xóm L, xã L, huyện A, tỉnh B số tiền là: 150 triệu đồng. Số tiền này Tiếp đã được Lý Văn T trả lại toàn bộ.

- Hoàng Thị L, sinh năm, trú tại: Xóm L, thị trấn L, huyện H, tỉnh B số tiền là: 250 triệu đồng. T đã trả lại cho Lan 40 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 210 triệu đồng.

- Vũ Thị H, sinh năm 1982, trú tại: Tổ 05, phường H, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 100 triệu đồng. T đã trả lại cho Hoa 45 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 55 triệu đồng.

- Hoàng Văn A, sinh năm 1964, trú tại: Xóm Giẻ Dả, xã T, huyện B, tỉnh B số tiền là: 200 triệu đồng. T đã trả lại cho ông An 70 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 130 triệu đồng.

- Nông Thị D, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 05, phường X, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 150 triệu đồng. Số tiền này bà D đã được Lý Văn T trả lại toàn bộ.

- Lục Thị L, sinh năm 1964, trú tại: Tổ Xuân Đại, thị trấn H, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 160 triệu đồng. Hiện bị cáo T còn chiếm đoạt của bà Liáng 150 triệu đồng.

- Hoàng Thị T, sinh năm 1962, trú tại: Tổ Xuân Đại, thị trấn H, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 160 triệu đồng. Hiện bị cáo T còn chiếm đoạt của bà Thanh 150 triệu đồng.

- Nông Thanh Đ, sinh năm 1975, trú tại: Xóm Cốc Găng, xã Chu Trinh, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 150 triệu đồng. Hiện bị cáo T còn chiếm đoạt của ông Đình 140 triệu đồng.

- Nguyễn Thành H, sinh năm 1964, trú tại: Phố Cũ, thị trấn U, huyện U, tỉnh B số tiền là: 250 triệu đồng.

- Hoàng Tiến T, sinh năm, trú tại: Tổ 02, thị trấn B, huyện B, tỉnh B số tiền là: 150 triệu đồng.
- Lưu Thị N, sinh năm 1955, trú tại: Xóm Nà Khoang, xã Minh Thanh, huyện B, tỉnh B số tiền là: 20 triệu đồng. T đã trả lại cho bà Năm 02 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 18 triệu đồng.
- Cao Thị Nn, sinh năm 1960, trú tại: Tổ 09, thị trấn Tĩnh Túc, huyện B, tỉnh B số tiền là: 200 triệu đồng.
- Lê Thị L, sinh năm 1962, trú tại: Tổ 01, thị trấn Nước Hai, huyện A, tỉnh B số tiền là: 120 triệu đồng.
- Diều Văn H, sinh năm 1972, trú tại: Xóm Phiêng Châu, xã Đình Phùng, huyện L, tỉnh B số tiền là: 100 triệu đồng.
- Hà Hữu M, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 18, phường Đề Thám, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 50 triệu đồng. T đã trả lại cho ông Mưu 15 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 35 triệu đồng.
- Đặng Văn C, sinh năm 1971, trú tại: Xóm Nà Ngân, xã Hoa Thám, huyện B, tỉnh B số tiền là: 50 triệu đồng. T đã trả lại cho ông Chi 15 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 35 triệu đồng.
- Bàn Văn B, sinh năm 1968, trú tại: Xóm Khuổi Hoa, xã Hoa Thám, huyện B, tỉnh B số tiền là: 120 triệu đồng. T đã trả lại cho ông Bằng 40 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 80 triệu đồng.
- Hoàng Vĩnh N, sinh năm 1987, trú tại: Xóm Nà Lại, xã Hà Trì, huyện A, tỉnh B số tiền là: 60 triệu đồng.
- Lê Thị K, sinh năm 1956, trú tại: Xóm Bằng Hà, xã L, huyện A, tỉnh B số tiền là: 70 triệu đồng. T đã trả lại cho bà Kết 38 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 32 triệu đồng.
- Nông Văn K, sinh năm 1964, trú tại: Xóm Cột Phố, xã Tổng Cột, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 200 triệu đồng.
- Hoàng Thị Xn, sinh năm 1961, trú tại: Xóm Cột Phố, xã Tổng Cột, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 150 triệu đồng.
- Bé Quang T, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 03, thị trấn Tĩnh Túc, huyện B, tỉnh B số tiền là: 50 triệu đồng.
- Lô Thị Q, sinh năm 1971, trú tại: Làng Đền, xã Hoàng Tung, huyện A, tỉnh B số tiền là: 50 triệu đồng.

- Bàn Văn C, sinh năm 1990, trú tại: Xóm Khuổi Pát, xã Thịnh Vượng, huyện B, tỉnh B số tiền là: 120 triệu đồng. T đã trả lại cho ông Cường 10 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 110 triệu đồng.

- Triệu Văn C, sinh năm 1968, trú tại: Khuổi Hoa, xã Hoa Thám, huyện B, tỉnh B số tiền là: 60 triệu đồng. T đã trả lại cho ông Cao 10 triệu đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 50 triệu đồng.

- Triệu Văn R, sinh năm 1966, trú tại: Xóm Lũng Muôn, xã Lãng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh B số tiền là: 300 triệu đồng. Chị gái của Lý Hải T là Lý Thị Thỏa đã tự nguyện trả giúp cho T 03 triệu đồng cho ông Ram, hiện nay bị cáo còn chiếm đoạt tiền của ông Ram là: 297 triệu đồng.

- Đinh Thị N, sinh năm 1966, trú tại: Xóm Pác Khoang, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh B số tiền là: 60 triệu đồng.

- Lương Thị H, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 04, phường H, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 150 triệu đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 3.650.000.000 đồng, khi vụ án bị phát giác và quá trình điều tra bị cáo đã trả lại cho các bị hại số tiền là: 618.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 3.022.000.000đ (Ba tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng). Đồng thời, ngày 02-7-2019, chị gái của bị cáo là bà Lý Thị Thỏa đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để khắc phục một phần hậu quả cho hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Lý Hải T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại, tổng số tiền phải bồi thường là 3.022.000.000đ (Ba tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo 20 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ngoài ra tại phiên tòa còn xác định được do bị cáo là Phó trưởng ban tổ chức Thành uỷ thành phố B từ năm 2015 đến tháng 01 năm 2019 mới bị cách chức, nên các bị hại mới tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà nội đề nghị cần áp dụng thêm điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Hải T là có căn cứ. Tuy nhiên do giới hạn của việc xét xử phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi có kháng cáo, kháng nghị. Hơn nữa, trong vụ án này không có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặt khác, việc xét xử phải đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không áp dụng điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Hải T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lý Hải T không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để làm căn cứ kháng cáo giảm hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo Lý Hải T cũng như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

Đối với đơn kháng cáo xin miễn giảm án phí dân sự của bị cáo T do nộp quá hạn luật định và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Hải T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HSST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lý Hải T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lý Hải T: 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 15-3-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc Lý Hải T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho các bị hại với tổng số tiền phải bồi thường là 3.022.000.000đ (Ba tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng). Cụ thể:

- Bồi thường cho Hoàng Thị L, sinh năm, trú tại: Xóm L, thị trấn L, huyện H, tỉnh B số tiền là: 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

- Bồi thường cho Vũ Thị H, sinh năm 1982, trú tại: Tổ 05, phường H, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 55.000.000đ (Năm mươi năm triệu đồng).

- Bồi thường cho Hoàng Văn A, sinh năm 1964, trú tại: Xóm Giẻ Dả, xã T, huyện B, tỉnh B số tiền là: 130.000.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

- Bồi thường cho Lục Thị L, sinh năm 1964, trú tại: Tổ Xuân Đại, thị trấn H, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Hoàng Thị T, sinh năm 1962, trú tại: Tổ Xuân Đại, thị trấn H, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Nông Thanh Đ, sinh năm 1975, trú tại: Xóm Cốc Găng, xã Chu Trinh, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Nguyễn Thành H, sinh năm 1964, trú tại: Phố Cũ, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh B số tiền là: 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Hoàng Tiến T, sinh năm, trú tại: Tổ 02, thị trấn B, huyện B, tỉnh B số tiền là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Lưu Thị N, sinh năm 1955, trú tại: Xóm Nà Khoang, xã Minh Thanh, huyện B, tỉnh B số tiền là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào cơ quan Thi hành án dân sự, số tiền này sẽ được bồi thường cho bị hại Năm. Nay số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại Năm là 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn).

- Bồi thường cho Cao Thị N, sinh năm 1960, trú tại: Tổ 09, thị trấn Tĩnh Túc, huyện B, tỉnh B số tiền là: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho Lê Thị L, sinh năm 1962, trú tại: Tổ 01, thị trấn Nước Hai, huyện A, tỉnh B số tiền là: 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Điều Văn H, sinh năm 1972, trú tại: Xóm Phiêng Châu, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh B số tiền là: 100.000.00đ (Một trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho Hà Hữu M, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 18, phường Đề Thám, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng).

- Bồi thường cho Đặng Văn C, sinh năm 1971, trú tại: Xóm Nà Ngân, xã Hoa Thám, huyện B, tỉnh B số tiền là: 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng).

- Bồi thường cho Bàn Văn B, sinh năm 1968, trú tại: Xóm Khuổi Hoa, xã Hoa Thám, huyện B, tỉnh B số tiền là: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Hoàng Vĩnh N, sinh năm 1987, trú tại: Xóm Nà Lại, xã Hà Trì, huyện A, tỉnh B số tiền là: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Lê Thị K, sinh năm 1956, trú tại: Xóm Bằng Hà, xã L, huyện A, tỉnh B số tiền là: 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

- Bồi thường cho Nông Văn K, sinh năm 1964, trú tại: Xóm Cột Phô, xã Tổng Cột, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho Hoàng Thị X, sinh năm 1961, trú tại: Xóm Cột Phô, xã Tổng Cột, huyện Q, tỉnh B số tiền là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Bế Quang T, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 03, thị trấn Tĩnh Túc, huyện B, tỉnh B số tiền là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Lô Thị Q, sinh năm 1971, trú tại: Làng Đèn, xã Hoàng Tung, huyện A, tỉnh B số tiền là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Bàn Văn C, sinh năm 1990, trú tại: Xóm Khuổi Pát, xã Thịnh Vượng, huyện B, tỉnh B số tiền là: 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

- Bồi thường cho Triệu Văn C, sinh năm 1968, trú tại: Khuổi Hoa, xã Hoa Thám, huyện B, tỉnh B số tiền là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Triệu Văn R, sinh năm 1966, trú tại: Xóm Lũng Muôn, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh B số tiền là: 297.000.000đ (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng).

- Bồi thường cho Đinh Thị N, sinh năm 1966, trú tại: Xóm Pác Khoang, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh B số tiền là: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Lương Thị H, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 04, phường H, thành phố B, tỉnh B số tiền là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án (gồm các bị hại) nếu bị cáo Lý Hải T chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

3. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử:

* Tịch thu phát mại số tài sản đối với bị cáo Lý Hải T để đảm bảo việc thi hành án gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô BKS: 11B1-137.16, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu Xanh Đen Bạc, số máy HC12E5733851, số khung 1212DY733633, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) máy tính Laptop nhãn hiệu SONY VAIO màu trắng. Product SVF14127SGW, máy cũ đã qua sử dụng, không có dây sạc.

* Tịch thu để phát mại sung công quỹ nhà nước số tài sản đối với bị cáo Lý Hải T gồm: 01 (một) điện thoại Iphone, màu vàng, số IMEIL: 355689079917028, số thuê bao: 0915.995.689, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại Iphone, màu vàng, số IMEIL: 359300066360539, số thuê bao: 0919.861.308, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại SYMPHONY-T160, màu vàng, máy cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại MASSTEL, số IMEIL1:

351670097199900, số IMEIL2: 351670097199918, số thuê bao 0919.861.308, máy cũ đã qua sử dụng.

* Hoàn trả cho bị cáo:

- 01 (một) USB Kingston màu trắng (ánh kim loại) 16 GB.

* Số tiền NHNN Việt Nam: 10.000.000đ (Mười triệu đồng), xử bồi thường cho bị hại Lưu Thị N, sinh năm 1955, trú tại: Xóm Nà Khoang, xã Minh Thanh, huyện B, tỉnh B.

Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh B theo Biên bản giao nhận vật chứng số 59 ngày 26 tháng 9 năm 2019.

4. Về án phí:

Bị cáo Lý Hải T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 92.440.000đ (Chín mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng cộng hai khoản án phí bị cáo phải nộp là 92.640.000đ (Chín mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Lý Hải T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Cục T.H.A DS tỉnh B;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh B;
- Bị cáo (thông qua Ban giám thị T.T.G);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo đ/c);
- Lưu HS, VT, Phòng HC-TP TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Vũ Đông

